

CƠ SỞ VĂN HOÁ VIỆT NAM



VĂN HOÁ TINH THẦN (tt)

3.4. Nghệ thuật

3.4.1 Hội hoạ và điêu khắc - Tái hiện hiện thực bằng màu sắc, đường nét, hình khối

3.4.2 Âm nhạc và sân khấu - Tái hiện hiện thực bằng âm thanh âm nhạc và động tác cách điệu

3.4.3 Văn chương - Tái hiện hiện thực bằng ngôn từ

3.4.4 Điện ảnh và nhiếp ảnh - Tái hiện hiện thực bằng kỹ xảo

3.4.5 Võ thuật – một dạng văn hoá tái hiện độc đáo

Tái hiện – hoạt động chính yếu của nghệ thuật

- **Tái hiện là một dạng hoạt động của con người nhằm phản ánh hiện thực thông qua con đường sáng tạo -> Tái hiện là thuộc tính của bộ óc người. Hiện thực khách quan được tái hiện sau khi con người đã từng nghe, thấy, cảm nhận từ các sự vật, hiện tượng trong thực tiễn.**
- **Tái hiện là “thể hiện lại hiện thực một cách chân thực, bằng sáng tạo nghệ thuật” [Hoàng Phê. 2002: 885]**

Tái hiện và sáng tạo

- * Tái hiện là một dạng hoạt động của con người nhằm phản ánh hiện thực thông qua con đường sáng tạo**
- Sáng tạo là sự kết hợp giữa tư duy phổ biến với ý tưởng mới lạ của cá nhân khi tái hiện sự vật, hiện tượng.**

Các dạng hoạt động của con người như nhận thức, tổ chức, ứng xử, tái hiện đều có thể có yếu tố sáng tạo.

Văn hoá tái hiện

- một loại sản phẩm/ những sản phẩm hình thành trong quá trình con người dùng các ký hiệu để ghi lại cảm xúc, tình cảm lẫn kinh nghiệm sống; toàn bộ tài sản sáng tạo nghệ thuật của các thành viên trong cộng đồng cả nhằm thoả mãn xúc cảm cá nhân và đáp ứng thị hiếu của tập thể
- kiểu, dạng (hoặc cách thức, hình thức) tư duy mà con người lựa chọn để phản ánh, tái hiện tự nhiên và xã hội: **phản ánh, tái hiện thế giới theo hướng khách quan hay chủ quan, theo phương pháp hiện thực hay lãng mạn, nhấn mạnh vào yếu tố tự nhiên hay yếu tố nhân tạo, chú ý tả thực hay cách điệu v.v..**
- > đặc điểm tư duy, tâm lí, tình cảm (dân tộc, khu vực)
=> bản sắc

Các phương thức tái hiện

(tái hiện tự nhiên và xã hội)

- **Tái hiện hiện thực bằng màu sắc, đường nét, hình khối** (Nghệ thuật tạo hình (hội hoạ, điêu khắc))
- **Tái hiện hiện thực bằng âm thanh âm nhạc và động tác cách điệu** (Âm nhạc và diễn xướng)
- **Tái hiện hiện thực bằng ngôn từ** (Thơ văn)
- **Tái hiện hiện thực bằng kỹ xảo**

HTKQ ...> ÓC NGƯỜI ...> TÁI HIỆN.....> NGHỆ THUẬT



CHẤT LIỆU => PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN => TÁC PHẨM

Hội hoạ: Đường nét + màu sắc (vẽ, tô)

=> Hình tượng (tranh, ảnh)

Điêu khắc: ... + hình khối (khắc, chạm)

=> Hình tượng (tượng)

Kiến trúc

Văn chương: Ngôn từ (các biện pháp tu từ)

=> Hình tượng (văn, thơ)

Âm nhạc: Âm thanh âm nhạc (nhạc luật, giai điệu)

=> H.tượng (bản nhạc, bài hát)

Sân khấu: Động tác cách điệu

=> Hình tượng (bài , điệu múa)

Điện ảnh...

**CHẤT LIỆU=> PHƯƠNG THỨC THỂ HIỆN => Hình tượng nghệ thuật
(BIỂU TƯỢNG)**

Tái hiện bằng màu sắc, đường nét, hình khối
(Nghệ thuật tạo hình (hội hoạ, điêu khắc))

HỘI HOẠ

Tranh giấy, tranh lụa, tranh cát ...

Một số loại tranh

Tiêu mục Loại tranh	Tên tranh	Vật liệu nền	Nguồn chất liệu màu	Kĩ thuật
Giấy	Đông Hồ	Giấy điệp	Tự nhiên	In ván
	Hàng trống	Giấy trắng	Tự nhiên	In ván + vẽ
	Kim Hoàng	Giấy đỏ	Tự nhiên	In ván + vẽ
Vải	Lụa	Lụa sợi nhỏ	Tự nhiên	Vẽ
Cát	Cát	Cát màu	Tự nhiên	Đổ theo khuôn
Đa vật liệu	Sơn dầu	Đa vật liệu	Hoá chất	Vẽ

TRANH ĐÔNG HỒ



BỊT MẮT BẮT DÊ



THẦY ĐỒ CỐC

TRANH HÀNG TRỒNG

CÁ CHÉP TRÔNG TRẮNG

RỒNG RẮN



TRANH KIM HOÀNG



Tranh lụa



Tranh lụa cổ



Nguyễn Trãi

Tranh cát



Tranh thêu



NGHỆ THUẬT ĐIÊU KHẮC

**Điêu khắc đá, khắc chạm gỗ,
Khâu làm nguội trong đúc đồng,
Tạo hình đắp nổi, ghép sành sứ**

GỒM SỨ MỸ THUẬT

Gồm sứ Bát Tràng

Gồm sứ Thanh Hà (Quảng Nam)

Gồm sứ Lái thiêu (Bình Dương)

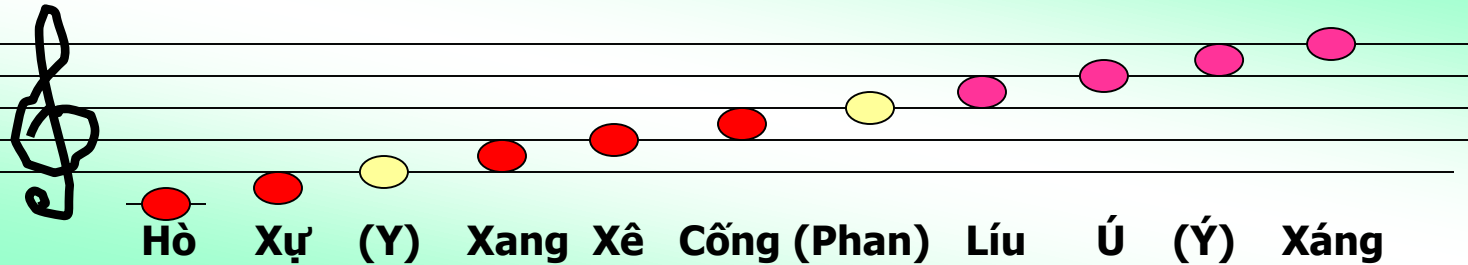
Gồm sứ Bàu Trúc (Ninh Thuận)

...

Tái hiện hiện thực bằng âm thanh âm nhạc và động tác cách điệu

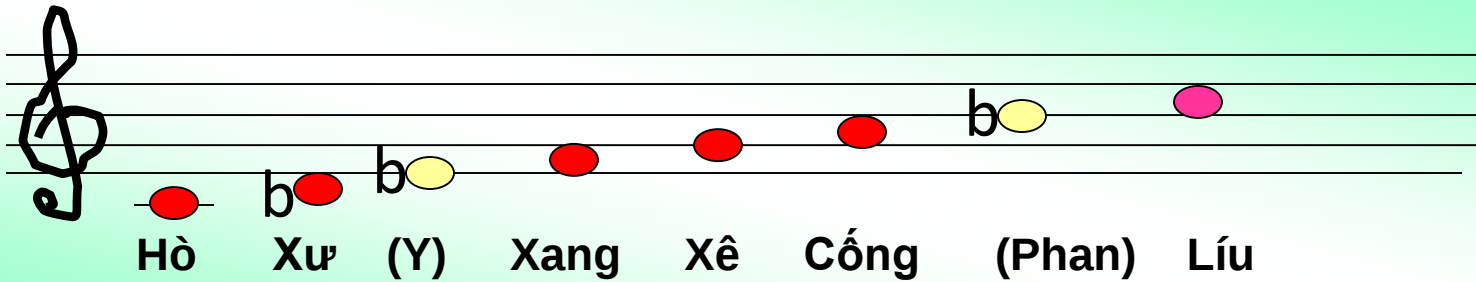
- Âm nhạc
- Các hình thức diễn xướng truyền thống

NHẠC LUẬT, NHẠC CỤ, NHẠC CÔNG

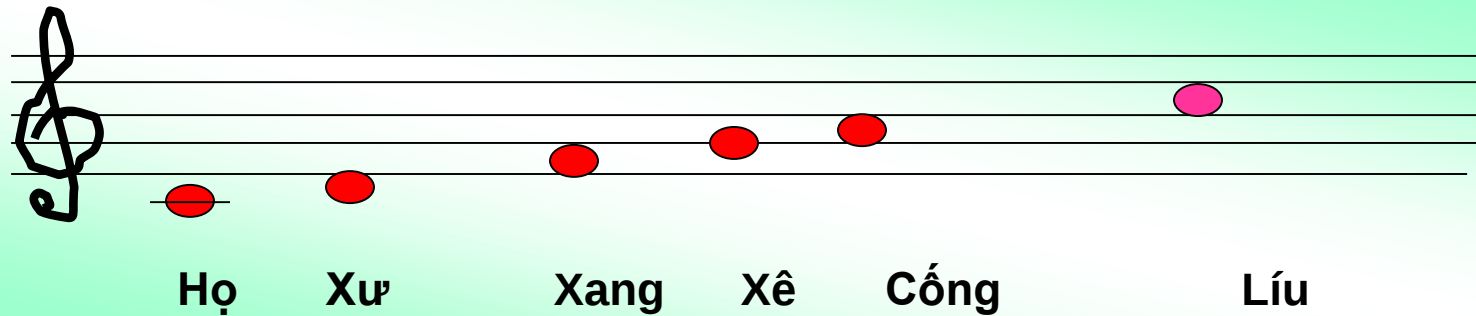
Tiêu chí	Diễn giải
Thang âm	 Hò Xự (Y) Xang Xê Cống (Phan) Lúu Ú (Ý) Xáng
Lưu giữ	Trí nhớ nhạc công
Truyền dạy	Truyền khẩu, truyền ngón
Chuyển âm	Linh hoạt (già non)
Nhạc cụ	Bàn phím không chính xác, kĩ thuật nhấn nhá.

THANG ÂM NGŨ CUNG

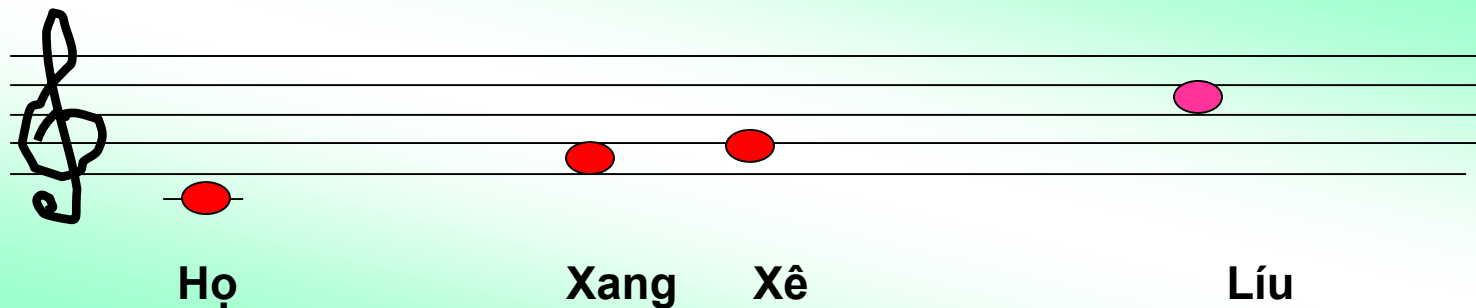
Ngũ cung tổng quát



Ngũ cung Bắc



Ngũ cung hiện đại



Ngũ Hành	Kim	Mộc	Thủy	Hoả	Thổ
Tiêu chí					
Tạng	Phổi	Gan	Thận	Tim	Lá lách
Âm thanh phát ra	Vang vang	Dài dài	Thanh thanh	Khàn khàn	Ồ ồ
Ngũ âm Việt Nam	Họ	Xư	Xang	Xê	Cống
Ngũ âm Trung Hoa	Thương	Giốc	Vũ	Chủy	Cung

THỂ LOẠI (CÁC HÌNH THỨC) DIỄN XƯỞNG

Thể loại Bộ phận VH	Hò, vè	Hát	Ca	Ngâm	Múa
Dân gian	Hò vè truyền thống	Dân ca/Lượn Trống quân Hát cửa đình Hát Chèo Tuồng Đờ	Ca kể Khàn Ca Bài chòi	φ	Múa quạt, múa chèo thuyền...
Dân gian + Bác học	φ	φ	Ca Trù Ca Huế Ca vọng cổ	Sa Mạc Huế Tao Đàn	
Bác học	φ	Tuồng Pho	Ca Thài (Nhã Nhạc)	φ	Lân mẫu xuất lân tử,

Một số loại thể tiêu biểu

▣ Các loại diễn xướng cấp 1

Hò, vè

Hát: Bài hát dân ca: Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ

Ca: Ca trù, ca Huế, ca vọng cổ

Ngâm thơ: điệu sa mạc, điệu Huế, điệu Tao đàn

Múa: múa quạt, múa nón. múa hầu bóng...

▣ Các loại diễn xướng cấp 2 (sân khấu)

Chèo : thuần Việt – nước thù sân khấu Việt

Rối nước : thuần Việt – đặc thù sân khấu Việt

Tuồng đô: có mối quan hệ sân khấu Trung Hoa

Nghệ thuật chiến đấu **(Võ thuật)**

- * Đặc điểm võ Việt Nam**
- * Võ Việt Nam trong bối cảnh Đông Á**
(so sánh với võ thuật một số nước)

Nguồn gốc võ bản địa

Do điều kiện địa lý, điều kiện sống:

- **Chống thú dữ: cọp, cá sấu, rắn...**
- **Chống lại các bộ lạc khác**
- **Rèn luyện để có sức khỏe (chống thiên nhiên, chống kẻ thù, phục vụ lao động sản xuất)**

Đặc điểm

- Quan sát thú dữ để đối phó có hiệu quả: cách đánh cọp, chống trả và diệt cá sấu, trăn...
- Tìm các tư thế để quật ngã đối phương: võ vật vừa tập thể lực vừa trí lực
- Sáng tạo vũ khí thô sơ nhưng có hiệu quả
- Tiếp thu, dung hợp các nguồn võ ngoại nhập
- Võ cổ truyền kết hợp võ vật và võ trện (võ dân gian và võ kinh)

Võ thuật Việt Nam trong bối cảnh Đông Á

Đạt Ma tổ sư

Khí công

Yoga

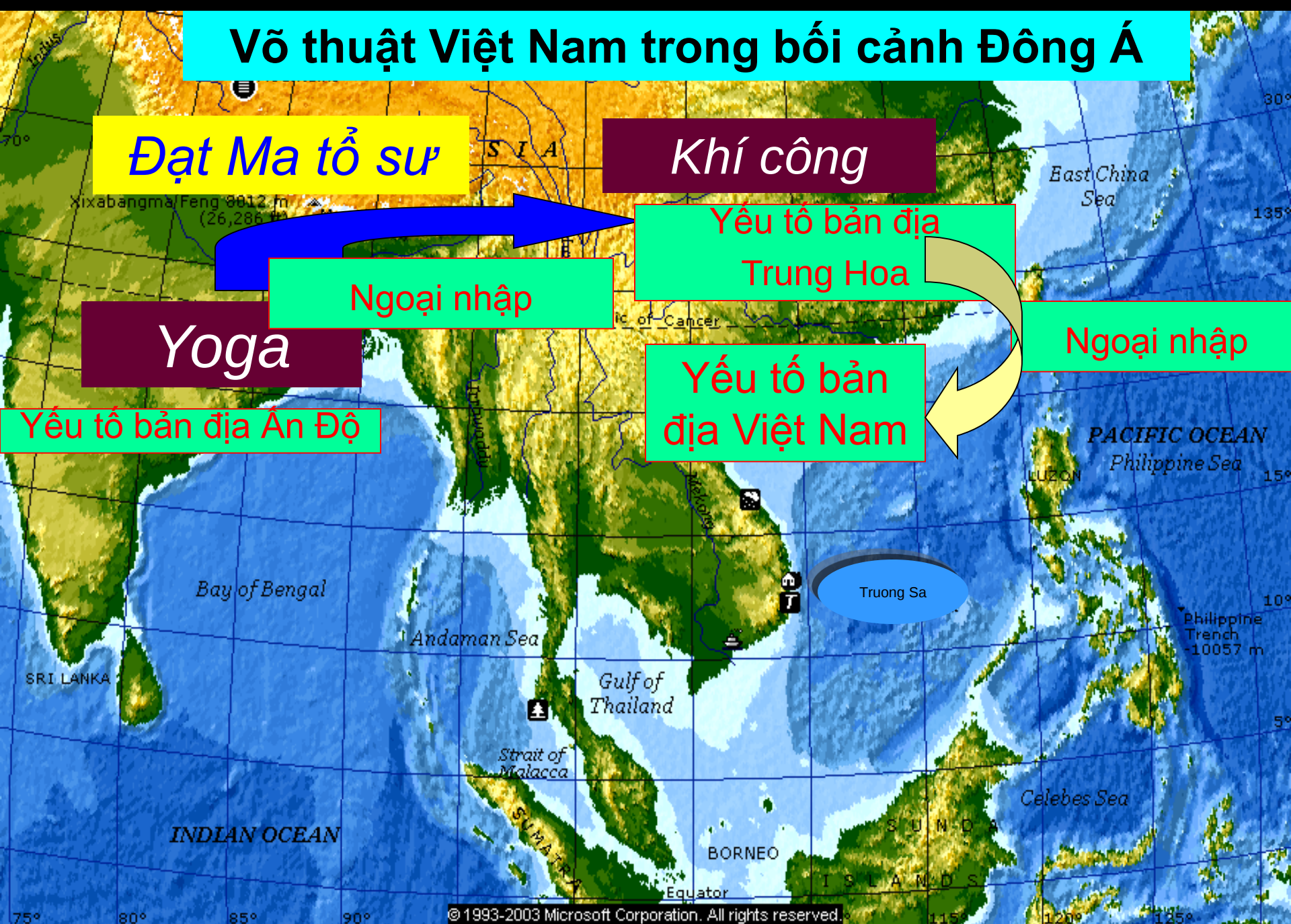
Yếu tố bản địa
Trung Hoa

Ngoại nhập

Ngoại nhập

Yếu tố bản
địa Việt Nam

Yếu tố bản địa Ấn Độ



© 1993-2003 Microsoft Corporation. All rights reserved.



Teakwondo

Karatedo
Judo
Aikido

Nga My

Võ Đàng

Thiếu Lâm

Box

Penkatsilat

Caùc vo phai ngoaïi nhaáp

Võ thuật Việt Nam (cái nhìn đối sánh)

Võ thuật Tiêu chí	Việt Nam	Trung Hoa	Phương Tây
Cơ sở triết học	Âm dương Ngũ Hành	Âm dương Bát quái	Thuyết chuyển hoá năng lượng
Tôn chỉ	Trọng nghĩa khinh tài	Trọng thanh danh và sự trung tín	Mạnh được yếu thua
Mục đích	Giữ nước, yên dân	Bảo vệ danh tiếng môn phái, bảo vệ vương triều	Giành danh tiếng và quyền lợi cho cá nhân
Nội dung: - Đòn thế - Thiệu thảo	- Mô phỏng động tác của động, thực vật: Các loài linh vật: Long, Lân, Quy, Phụng,... Các loại hoa: Hoa sen, hoa mai,... - Bài bản gồm 2 phần: thiệu và thảo		Đòn thế dựa theo kĩ thuật cơ học: tốc độ, cường độ, nhịp độ, phương hướng, độ cứng ...
Xu hướng nghệ thuật	Trọng tâm đức hơn tài Bất chước tự nhiên		Trọng tài năng. Vận dụng kĩ thuật hiện đại

Tái hiện hiện thực bằng ngôn từ (Thơ văn dân gian)

Phân loại theo hình thức		Phân loại theo nội dung phản ánh
Văn vần	4/4/4 5/5/5 6/8, 7/7/6/8 Hình thức khác Trường ca	- Thành ngữ - Tục ngữ, ngạn ngữ, cách ngôn, châm ngôn - Ca dao, đồng dao - Sử thi - Thần Thoại, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn
Văn xuôi	Truyện kể Văn cúng bái	

NỘI DUNG THƠ VĂN

+ Phản ánh, tái hiện tự nhiên:

- Đề tài quan sát các hiện tượng tự nhiên
- Đề tài miêu tả cảnh sắc thiên nhiên của quê hương đất nước.
- Đề tài ứng xử với tự nhiên phản ánh thái độ tôn trọng tự nhiên, dung hợp với tự nhiên, cả tinh thần dũng cảm, kiên cường chống chọi sự tấn công của tự nhiên.

+ Phản ánh, tái hiện xã hội:

- Đề tài lao động sản xuất phản ánh cuộc sống mưu sinh của người bình dân.
- Đề tài ứng xử xã hội phản ánh những mối quan hệ trong đời sống xã hội, những kinh nghiệm trong đối nhân xử thế, kinh nghiệm trong đấu tranh chống lại cái ác, cái xấu.
- Đề tài tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, con người, muôn vật
- Đề tài yêu nước, tinh thần dũng cảm, bất khuất, kiên cường, đấu tranh chống ngoại xâm.

□ Nhìn chung, thơ văn dân gian phản ánh phong tục tập quán của người bình dân trên nhiều bình diện như: tâm lý tình cảm, hoạt động mưu sinh, quan hệ và ứng xử với tự nhiên và xã hội.

Văn hoá tái hiện Việt Nam

- Sự hiện diện sáu loại hình nghệ thuật truyền thống
- + Các loại hình nghệ thuật đặc thù của dân tộc.
- Sự hiện diện của tư duy nghệ thuật của nhiều loại hình văn hoá.
- Tính tổng hợp về chất liệu, vật liệu, phương thức thể hiện
- Xu hướng dùng thủ pháp tả thực nhiều hơn các thủ pháp khác.
- Xu hướng chủ đề trần thế nhiều hơn ngoài trần thế.
- Dung hợp và sáng tạo trong quá trình tiếp xúc nghệ thuật thế giới.

CHƯƠNG IV

VĂN HÓA XÃ HỘI: TỔ CHỨC XÃ HỘI VÀ ỨNG XỬ XÃ HỘI

4.1 Tổ chức xã hội

4.1.1 Tổ chức nông thôn

4.1.2 Tổ chức quốc gia

4.1.3 Tổ chức đô thị

4.2. Ứng xử xã hội

4.2.1. Ứng xử thường ngày của người Việt Nam

4.2.2. Ứng xử trong thời điểm quan trọng của người Việt Nam

4.2.3 Ứng xử của người Việt Nam với các nền văn hóa khác

- Đặc điểm ứng xử với văn hoá ngoại nhập**
- Hệ quả**

TỔ CHỨC XÃ HỘI

- **Tổ chức nông thôn**
 - + **Tổ chức làng xã cổ truyền**
 - + **Tổ chức làng xã Việt Nam sau CM/8**
- **Tổ chức quốc gia**
 - + **Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc**
 - + **Nhà nước phong kiến**
 - + **Nhà nước xã hội chủ nghĩa**
- **Tổ chức đô thị**
 - + **Tổ chức đô thị Việt Nam thời phong kiến**
 - + **Tổ chức đô thị Việt Nam sau CM/8**

NÔNG THÔN THỜI PHONG KIẾN

BUÔN/BẢN LÀNG

- + Địa bàn cư trú: tập trung thành cụm hình tròn hoặc vuông, có hàng rào/ hào sâu bao bọc chung quanh. Làng bản gần nơi có nước, dựa vào địa thế tự nhiên, một số nơi dựng nhà sinh hoạt chung cả cộng đồng.**
- + Xã hội: Chế độ mẫu hệ duy trì lâu đời; cơ chế dân chủ công xã, già làng trưởng bản cai quản.**
- + Kinh tế chiếm đoạt + nông nghiệp lúa rẫy và lúa thung lũng.**

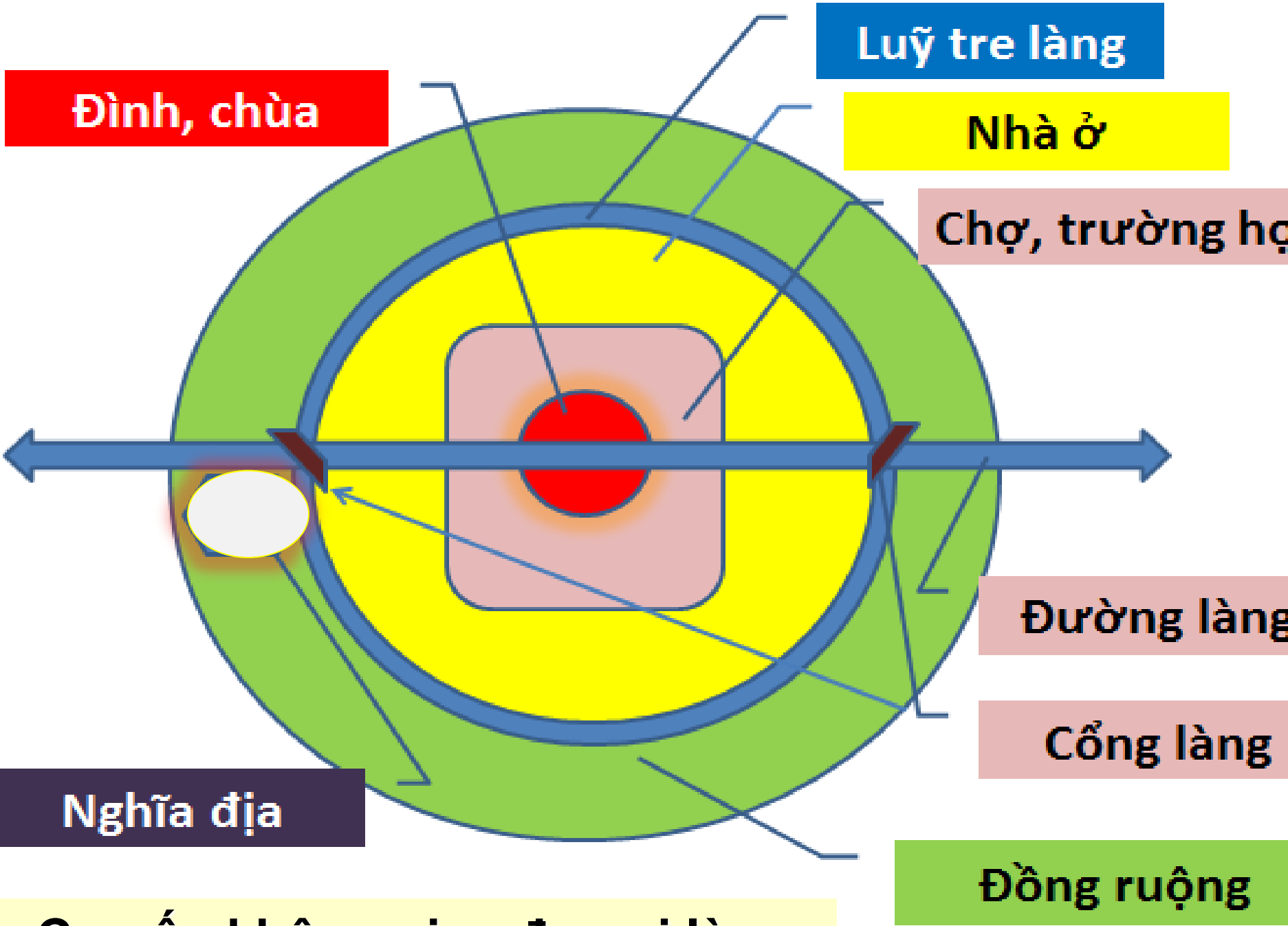
TỔ CHỨC NÔNG THÔN THỜI PHONG KIẾN

LÀNG XÃ

- + Địa bàn: chủ yếu vùng châu thổ, sở hữu điền thổ thuộc họ tộc, không chuyển quyền sở hữu đất mà chỉ chuyển quyền sử dụng đất (đặc thù về sở hữu tư liệu sản xuất).**
- + Xã hội: Cơ chế huyết thống phụ hệ duy trì thứ bậc trên 9 đời, quan hệ tự trị giữa làng xã – triều đình**
- + Kinh tế nông nghiệp lúa nước, ngăn đê chống lụt**

Cơ cấu nông thôn Việt Nam thời phong kiến

Yếu tố	Nội dung
Địa bàn cư trú, Sở hữu điền thổ	- Đất làng do dân làng khai phá. Tên làng lấy tên của dòng họ đến khai phá đầu tiên. - Làng được phân bố theo 4 dạng: hình xương cá, ô bàn cò, hình vành khăn, rời rạc. - Làng gần sông, rạch. Khép kín trong lũy tre. - Cơ sở hạ tầng mang tính công cộng: đình, giếng, bến nước.
Huyết thống	- Hệ thống tôn ti chặt chẽ trong dòng tộc (9 đời). - Tổ chức Giáp tồn tại theo lối cha truyền con nối.
Các tổ chức xã hội	- Phường thể hiện sự phân công lao động theo nghề. - Hoạt động của Phường mang tính hợp tác trong làm ăn. - Tổ chức Hội thể hiện sự phát triển của đời sống tinh thần. - Hoạt động của Hội mang tính tự nguyện, tự giác.
Quản lí hành chính	- Dân làng tự bầu ra người lãnh đạo. Quan trên xem xét và công nhận. - Quản lý nhân sự có sổ Đình, quản lý đất đai có sổ Điền. - Sự phân biệt dân chính cư và ngụ cư rất gay gắt.



Thuộc tính nông thôn Việt Nam thời phong kiến

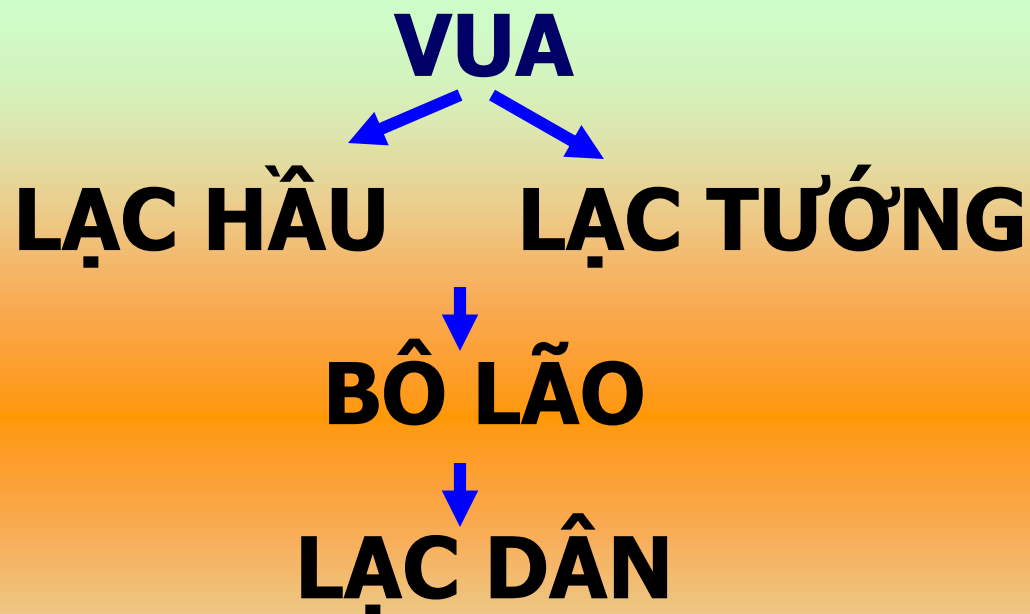
Thuộc tính Tiêu chí		Tính cộng đồng	Tính tự trị
Nội dung		Coi trọng cái chung: công việc chung, ý kiến chung, trách nhiệm chung, lợi ích chung, danh dự chung...	Khẳng định đơn vị làng: tự đề cử nhân sự quản lý, tự đề ra luật lệ, tự cung tự cấp về mặt kinh tế.
Hệ quả	Tốt	- Liên kết các thành viên, cố kết cộng đồng, tương trợ, hoà đồng. - Phát huy dân chủ làng xã.	- Phát huy ưu thế về nhân tài, vật lực tại chỗ. - Có khả năng tự cân chỉnh cao về kinh tế, chính trị, ...
	Xấu	- Thủ tiêu vai trò cá nhân. - Thói cào bằng, đố kỵ, ganh ghét. - Dựa dẫm vào tập thể.	- Quá đề cao tập thể nhỏ làm nảy sinh bè phái, cục bộ. - Óc tư hữu, tính ích kỷ. - Thói gia trưởng, kẻ cả.

Phân biệt tự trị và bảo vệ không gian sinh tồn

CÁC MÔ HÌNH NHÀ NƯỚC

- ➡ Nhà nước Văn Lang - Âu Lạc
- ➡ Nhà nước Việt Nam thời phong kiến
- ➡ Nhà nước Việt Nam XHCN

NHÀ NƯỚC VĂN LANG - ÂU LẠC



NHÀ NƯỚC VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN (PK)

- **Trọng tâm:**

**Sự khác nhau về chất
giữa**

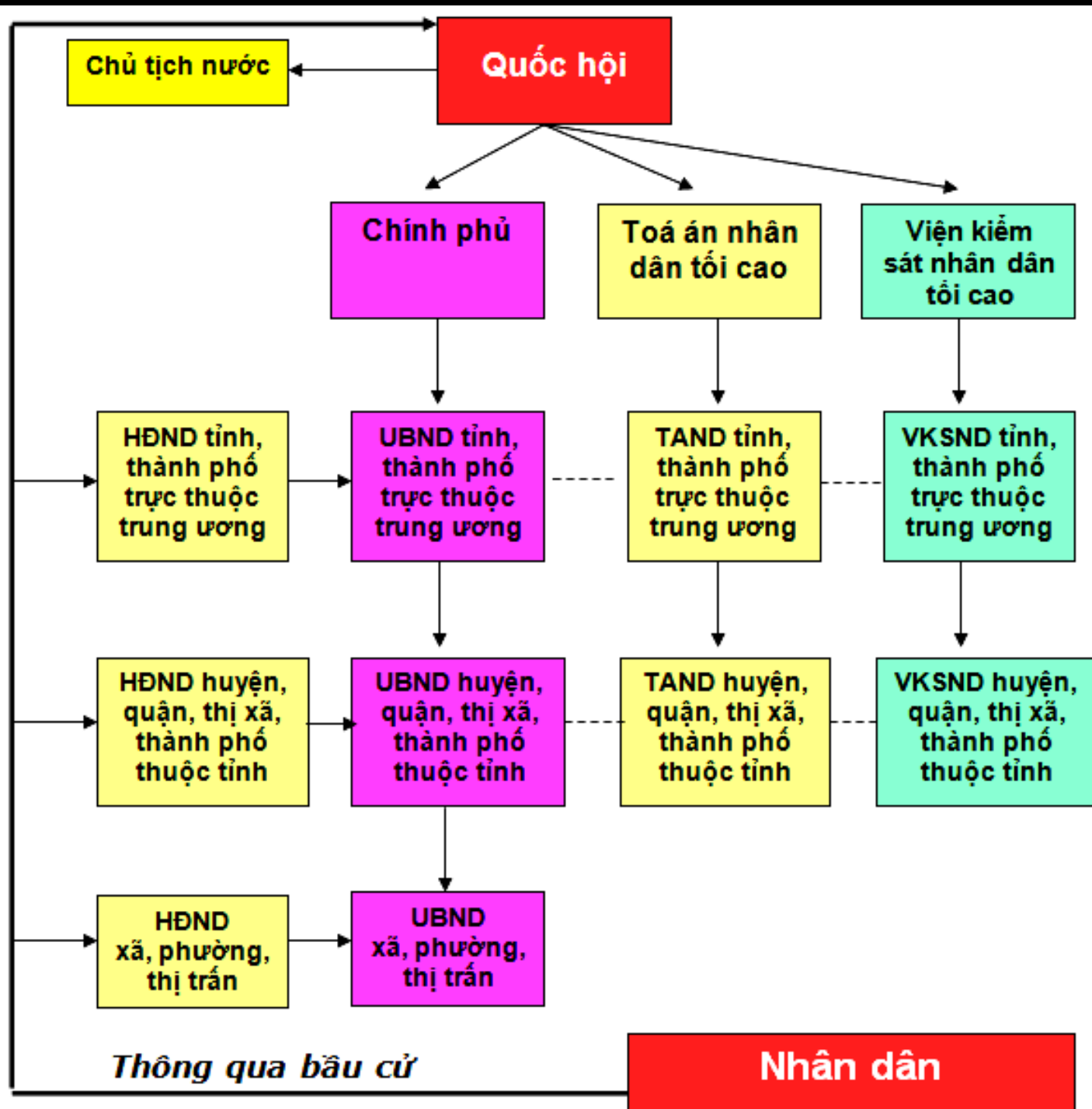
nhà nước PK Việt Nam và nhà nước PK Trung Hoa

So sánh nhà nước PK. Việt Nam & nhà nước PK. Trung Hoa

Nhà nước Tiêu chí	NNPK Trung Hoa	NNPK Việt Nam
Quan điểm chính trị	- Đứng trên dân, cai trị dân. - Tên triều đại gắn với tông tộc: đại Hán, đại Đường, đại Minh, đại Thanh, ... - Nước gắn với dòng tộc -> nước mất cả dòng tộc bị tiêu vong	- Các triều đại đang lên tỏ rõ thái độ thân dân, dựa vào dân, - Tên nước gắn với dân tộc, cương vực: Đại Việt, Việt Nam, Đại Nam - Nước gắn với nhà, nước mất nhà tan.
Tuyển nhân tài	Trọng võ hơn văn (tuyển Trạng nguyên võ)	Trọng văn lẫn võ. Văn võ song toàn.
Pháp luật	Pháp luật bênh vực hoàng thân quốc thích, nam giới.	Pháp luật bảo vệ quyền lợi phụ nữ. Tôn trọng tục lệ bản làng (luật tục, hương ước).
Tam cương	Trung với vua, hiếu với cha, nghĩa với chồng	Trung với nước, hiếu với dân, nghĩa với chồng tốt
Quyền lực	Độc tôn.	Chia sẻ hoặc nhường lại cho người cùng huyết thống.

Nhà nước Việt Nam XHCN

- * **Quốc hội** có quyền lực cao nhất, do ND bầu ra
- * **Chính phủ** là cơ quan chấp hành Quốc hội và là cơ quan hành chính cao nhất của nước CHXHCNVN.
- * **Tòa án nhân dân tối cao**, tòa án nhân dân địa phương, tòa án quân sự ... là những cơ quan xét xử của nước CHXHCNVN.
- * **Viện kiểm soát nhân dân** các cấp có 2 chức năng chính: kiểm soát các hoạt động tư pháp và thực hiện quyền công tố.



Bộ máy nhà nước Việt Nam

- là hệ thống các cơ quan từ TƯ đến địa phương
- tổ chức theo nguyên tắc chung, thống nhất
- thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước Việt Nam.

*** Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của bộ máy NN VN**

- *đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng,*
- *tập trung dân chủ,*
- *đảm bảo sự tham gia của ND vào quản lý Nhà nước*
- *nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa.*

ĐÔ THỊ VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN

Đặc điểm về:

- ☛ **sự hình thành và kiến trúc đô thị**
- ☛ **cơ cấu và tổ chức sinh hoạt ở đô thị**
- ☛ **sắc diện văn hoá đô thị**

Đô thị phong kiến và đô thị tư bản

Kiểu đô thị Các tiêu chí	Đô thị phong kiến	Đô thị tư bản
Cơ chế, sự hình thành	Bao cấp, tự cung tự cấp Nhà nước xây dựng	Thị trường Thị dân lựa chọn
Quy hoạch tổng thể	Phong thuỷ truyền thống	Các yếu tố tự nhiên cơ bản
Chức năng	Hành chính – văn hoá	Kinh tế (T – H – T') - hành chính, văn hoá
Xu hướng biến đổi	Bị nông thôn hoá	Trở thành trung tâm hành chính
Tổ chức đô thị	Sao phỏng nông thôn	Thành bang tự trị
Nghiên cứu khoa học	Thiên – Nhân – Địa	Toán, Lý, Hoá, Sinh, Quản trị, Tiếp trị, Luật

Ứng xử xã hội

❑ **ỨNG XỬ TRONG ĐỐI NỘI**

❑ **ỨNG XỬ TRONG ĐỐI NGOẠI**

ỨNG XỬ TRONG ĐỐI NỘI

- **Ứng xử thường ngày**
- **Ứng xử trong thời điểm quan trọng**

Ứng xử thường ngày

- **Coi trọng mọi mối quan hệ, trọng danh dự, trọng ơn nghĩa, trọng thể diện lẫn nhau.**
- **Có quan điểm rõ ràng điểm đối với cái xấu, cái ác, cái không ưa thích nhưng biểu lộ thái độ rất khéo léo, tinh tế.**
- **Vị tha, nhân ái (có thể hiểu là rộng lượng, thương người)**
- **Nêu cao tinh thần hy sinh, lòng dũng cảm, tài trí đức độ.**
- **Nhạy cảm và quý trọng cái đẹp.**
- **Coi trọng chữ hiếu.**

Ứng xử trong thời điểm quan trọng

- Ứng xử trong dịp tết
- Ứng xử trong cưới hỏi
- Ứng xử trong sanh đẻ
- Ứng xử trong tang ma
- Ứng xử trong cúng bái

Ứng xử trong dịp tết

Hiện còn nhiều lễ tết ở những thời điểm khác nhau trong năm: Người Việt thường có hai lễ tết lớn (tết Nguyên Đán và tết Đoan Ngọ). Người Chăm ăn tết vào dịp lễ Katê khoảng cuối tháng 9 Dương lịch Người Khmer có tết Chol-chnam-thmay vào các ngày 14, 15 và 16 tháng 4 Dương lịch. Người Cơ Ho (Lâm Đồng) ăn tết Tết Nhỏ LirBông sau Tết Nguyên đán của người Kinh độ một tháng. Người Ê Đê ở Đắk Lắk ăn Tết Cơm Mới vào khoảng tháng 10 dương lịch ...

Tết đầu năm có nhiều ý nghĩa tốt đẹp: mọi người thăm viếng, chúc tụng nhau; các thành viên trong gia đình bày tỏ tình cảm của mình với ông bà, cha mẹ, con cháu; mọi người cùng tham gia lễ hội, cùng chia sẻ niềm vui chung.

Tết là dịp để xoá tan những vướng mắc trong năm cũ, xây dựng tình hoà hiếu trong xóm làng, hướng đến tương lai tốt đẹp.

Ứng xử trong cưới hỏi

- Hôn nhân thời Văn Lang “ trai gái lấy nhau chưa dùng trầu cau mà lấy nắm đất (phong muối) làm tin”. Trai gái tự do yêu đương và tự do lựa chọn trong hôn nhân (vua Hùng cũng chấp nhận tình yêu của con gái với một người bình dân nghèo)
- Sự tích trầu cau: hôn nhân một vợ một chồng; văn hoá hôn nhân của nền văn minh thực vật; không chỉ là hiện tượng văn hoá của tầng lớp trên mà phổ biến trong toàn dân
- Qua quá trình tiếp biến lễ tục phương Bắc, dưới áp lực của lễ giáo phong kiến, phong tục hôn nhân của giới bình dân có xu hướng lễ nghi hoá; phức tạp hoá.

□ Người Xá Tây Bắc, người Tây Nguyên và một số tộc người ở Đông Nam Á cũng có tục ăn đất hun. Đất hun, dân gian gọi là "bánh ngói", món đất sét tinh được nung đốt bằng những cây cỏ có khói thơm, là một "món ăn" kỳ lạ nhưng được sản xuất và tiêu thụ ở nhiều vùng trung du và đồng bằng Bắc bộ cho đến trước cách mạng tháng Tám. Lĩnh Nam chích quái chép: Việc hôn nhân giữa nam nữ lấy gói đất làm đầu. Có thể thứ "bánh ngói" này đã là một món quà cưới quan trọng thời Hùng Vương. Nhà dân tộc học Lê Thị Nhâm Tuyết đã chứng minh tục ăn đất và tục chế biến đất là một tục rất cổ của người Việt mà ý nghĩa thực chất của nó là thưởng thức hương liệu. "Bánh ngói" là một hòn đất chứa đựng chất khói thơm: ăn đất hun cũng tương tự như hút thuốc.

Các bước trong cưới hỏi truyền thống

- **Lễ nạp thái:** Người nhà trai sang nhà gái để ngỏ ý nhà trai đã chọn cô gái của gia đình ấy làm dâu.
- **Lễ vấn danh:** Nhà trai sang xin tên, ngày tháng năm sinh của cô gái.
- **Lễ nạp cát:** Nhà trai trình cho nhà gái biết đã xem được quẻ tốt về cuộc hôn nhân giữa đôi trai gái.
- **Lễ thỉnh kỳ:** Nhà trai báo cho nhà gái ngày tốt để làm đám cưới.
- **Lễ nạp tệ:** Nhà trai mang nữ trang, tiền bạc, lễ vật đến cho nhà gái.
- **Lễ nghinh thân:** Còn gọi nghinh hôn, thân nghinh nhà trai sang đón dâu về.

Văn hoá ứng xử trong cưới hỏi truyền thống

- Tôn trọng tự do yêu đương, nữ giới đi cưới chồng (tính nhân bản)
- Tục lệ giản đơn nhưng kéo dài giai đoạn tiền hôn nhân: tục ở rể, làm rể (tính nhân bản)
- Luật tục bảo vệ quyền lợi người phụ nữ (tính nhân văn)

Ứng xử trong sanh đẻ

Các giai kỳ sinh con

ôm nghén - ăn rở - sinh nở - chôn nhau sâu và tránh chỗ nước giọt - nằm than, kiêng gió – ăn muối hấp, nước mắm chưng trong 3 ngày sau sinh - đầy cữ (trai 7 ngày, gái 9 ngày) – xông muối – xoa nghệ ra ngoài.

Văn hoá sinh sản truyền thống

- Theo đòi hỏi của phương thức sản xuất nông nghiệp, người phụ nữ là công cụ sản xuất sức người và sức của.
- Một mặt coi trọng phụ nữ, mặt khác những kiêng kỵ về thai sản bó buộc phụ nữ (nhất là khi XH xuất hiện giai cấp, xuất hiện tư tưởng trọng nam khinh nữ)
- Tri thức về thai sản, sinh nở dựa vào kinh nghiệm vùng miền, dân tộc (không hệ thống)
- Sinh đẻ là vấn đề riêng của cá nhân, làng xã không liên quan nhiều đến nhà nước (dân số, y tế, giáo dục, kinh tế...)

Tập quán truyền thống

Mỗi dân tộc tiến hành nghi lễ tang ma theo tập tục riêng

Tang ma Việt Nam thể hiện rõ đặc điểm đời sống của cư dân nông nghiệp trong khu vực Đông Nam Á: sự tiếc thương người chết bộc lộ qua tiếng khóc, lời kể.

Các hình thức táng phổ biến là địa táng, hỏa táng. Một số dân tộc phía Bắc còn duy trì hình thức thủy táng và các hình thức riêng khác.

+ Những tục lệ thông thường:

- **Lập di ngôn (di chúc)**
- **Đặt tên thụy (tên hèm)**
- **Ghi giờ ngày tất thờ**
- **Mộc dục**
- **Cài hàm**
- **Hạ tịch**
- **Bỏ tiền gạo vào miệng người chết**
- **Đặt đầu quan tài hướng ra ngoài**
- **Mặc tang phục theo tôn ti**
- **Đưa tang theo hình thức “cha đưa, mẹ đón”**
- **Kiêng đưa linh cửu đi nhanh.**
- **Cha mẹ kiêng đưa tang con.**
- **Rắc giấy tiền vàng trên đường đưa tang.**
- **Lễ cúng thổ thần trước khi chôn.**
- **Gia đình có tang kiêng đi chúc tết.**

+ Tang ma của các dân tộc Tây Nguyên có lễ bỏ mả (sau khi chôn vài năm), của người Khơ me, người Chăm

Văn hoá ứng xử trong tang ma truyền thống

Tôn trọng xác và hồn người chết

- **Tục lệ thể hiện sự tiếc thương của người sống đối với người chết (kéo dài thời gian lưu giữ quan tài, khóc kể, nhiều lần cúng ngay sau khi chôn như mở cửa mả, tuần, 49 ngày, thời gian để tang 2-3 năm, lưu giữ bàn thờ trong nhà, cúng giỗ hàng năm và thắp nhang ngày sóc vọng, thăm viếng, làm sạch cỏ trên mộ... (Người Tây Nguyên làm lễ long trọng mới bỏ mả)**
- **Tang lễ truyền thống thể hiện triết lí Âm Dương Ngũ Hành.**
- **Tang ma, cúng giỗ được xem là sự biểu hiện của chữ hiếu**
- **Tang ma phản ánh tâm lý sợ nạn mãi lộ trong thế giới vô hình**

Ứng xử trong cúng bái

Tập quán thờ cúng truyền thống

Do tôn thờ dẫn đến hành vi cúng bái cho người và vật.

Trong văn hoá dân gian Việt Nam, hầu như nhân thần, vật thần nào được thờ đều được cúng bái.

Tuy nhiên, không phải lúc nào người ta cúng bái cũng nhằm thể hiện ý đồ tích cực, có khi người ta cúng bái vì sợ cái xấu (hoặc cái ác), dù vô hình nhưng nó có thể làm hại con người và cuộc sống cộng đồng.

Nơi thờ cúng

+ Đình miếu: Các vị thần được thờ:

- Thượng đẳng thần: Sóc Thiên Vương, Chử Đồng Tử, Liễu Hạnh (thiên thần), Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo (nhân thần).
- Trung đẳng thần: thần có tên nhưng không ghi rõ công trạng.
- Hạ đẳng thần: chính thần - Thành Hoàng (Phúc Thần).

+ Nhà thờ họ: Dòng họ lâu đời có nhà thờ Thủy tổ. Đồ thờ có thần chủ, hương án, gia phả. Bàn thờ xếp theo bậc cao thấp ứng với các vị đời trước, đời sau.

+ Nhà ở: Thờ ông bà cha mẹ và anh, chị, em, con cái chết sớm. Nhà có đạo thờ thần thánh theo tôn giáo.

Văn hoá ứng xử trong cúng bái

- ❖ Tự nguyện tự giác, là điều nghĩa
- ❖ Tỏ lòng tôn kính, biết ơn tiền nhân (truyền thống “Uống nước...)
- ❖ Giáo dục đạo lý dân tộc, đạo lý gia tộc, tinh thần tôn trọng lịch sử
- ❖ Cổ kết họ tộc, gia tộc
- ❖ Do thờ mà cúng nhưng có khi cúng mà không thờ
- ❖ Thờ cúng thiên về vụ lợi

Đặc điểm văn hoá ứng xử của người Việt Nam

**Những kiểu ứng xử có tính tích cực:
trọng quan hệ, trọng tình, trọng văn,
trọng đức, trọng phụ nữ, trọng tập thể
(làng nước, dân tộc)...**

**Những kiểu ứng xử có tính tiêu cực:
cào bằng, cục bộ địa phương, ích kỷ
hẹp hòi, gia trưởng...**

ỨNG XỬ TRONG ĐỐI NGOẠI

- **Đặc điểm ứng xử**
- **Hệ quả**

CHƯƠNG V

TỔNG LUẬN VỀ VĂN HOÁ VIỆT NAM

5.1 Nhìn lại văn hoá truyền thống

5.1.1 Nền văn hoá nông nghiệp lúa nước với những biểu trưng, đặc trưng riêng

Các biểu trưng

Các đặc trưng ...

5.1.2 Nền văn hoá có bản sắc

5.2. Cái nhìn hiện tại và tương lai

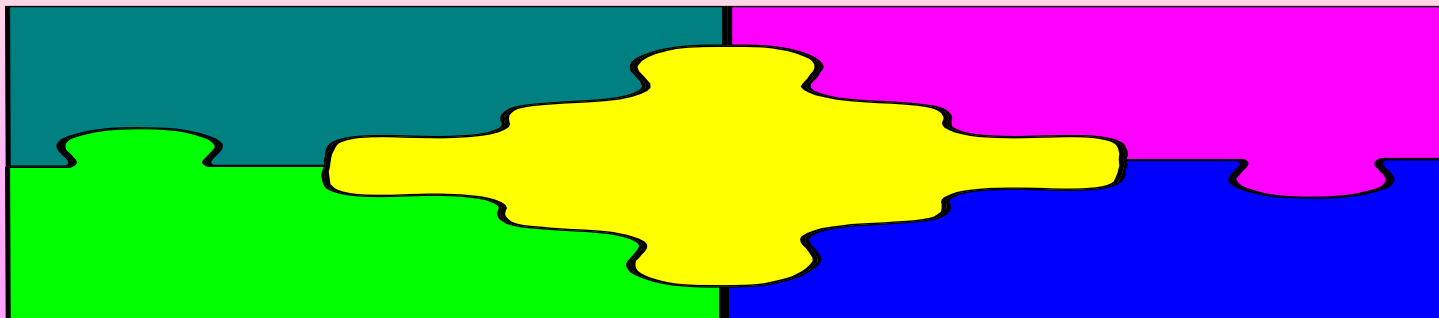
5.2.1. Sự chuyển biến trong đời sống vật chất và đời sống tinh thần dẫn đến sự chuyển đổi các biểu tượng, biểu trưng văn hoá.

5.2.2. Hướng phát triển của văn hoá Việt Nam

5.2.3. Hồ Chí Minh - biểu tượng của văn hoá tương lai

1. Nhìn lại văn hoá truyền thống

2. Cái nhìn hiện tại và tương lai

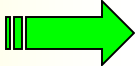


Nhìn lại văn hoá truyền thống

- 1. Nền văn hoá nông nghiệp lúa nước với những đặc trưng, biểu trưng riêng biệt**
- 2. Nền văn hoá có bản sắc riêng**
- 3. Nền văn hoá mang đậm chất phương Đông**

Khái lược về văn hoá truyền thống

Lô gíc hình thành đặc trưng, đặc điểm văn hoá truyền thống

Môi trường địa lý: địa hình + khí hậu		Điều kiện sống: nghề nông (trồng lúa nước)		Loại hình văn hoá: nông nghiệp lúa nước		Các đặc trưng: lối sống định cư, hòa hợp và tôn trọng tự nhiên, ứng xử mềm dẻo, hiếu hòa, trọng tình cảm, trọng văn, trọng đức, trọng phụ nữ, trọng kinh nghiệm, trọng tuổi già, trọng tập thể, ...
--	---	---	---	--	---	--

Nhân tố tạo bản sắc văn hoá Việt Nam

Các nhân tố	Các mặt cụ thể	Hệ quả
Môi trường tự nhiên + Điều kiện lịch sử, kinh tế, văn hoá - xã hội	- - Đối mặt với hiện thực nhiều thử thách -> Văn hoá hướng đến đời sống hiện hữu, coi trọng thực tiễn -> thực tế - Tiếp xúc cưỡng bức và tự nguyện -> Văn hoá dung hợp, tiếp thu có chọn lọc, xử lý theo hướng Việt hoá -> tinh thần độc lập tự chủ - Xuất phát ở Phương Đông nông nghiệp chậm phát triển, chịu nạn ngoại xâm, ... -> Nhận thức truyền thống -> Tư duy sẵn sàng đổi mới	Bản sắc văn hoá Việt Nam

Cái nhìn hiện tại và tương lai

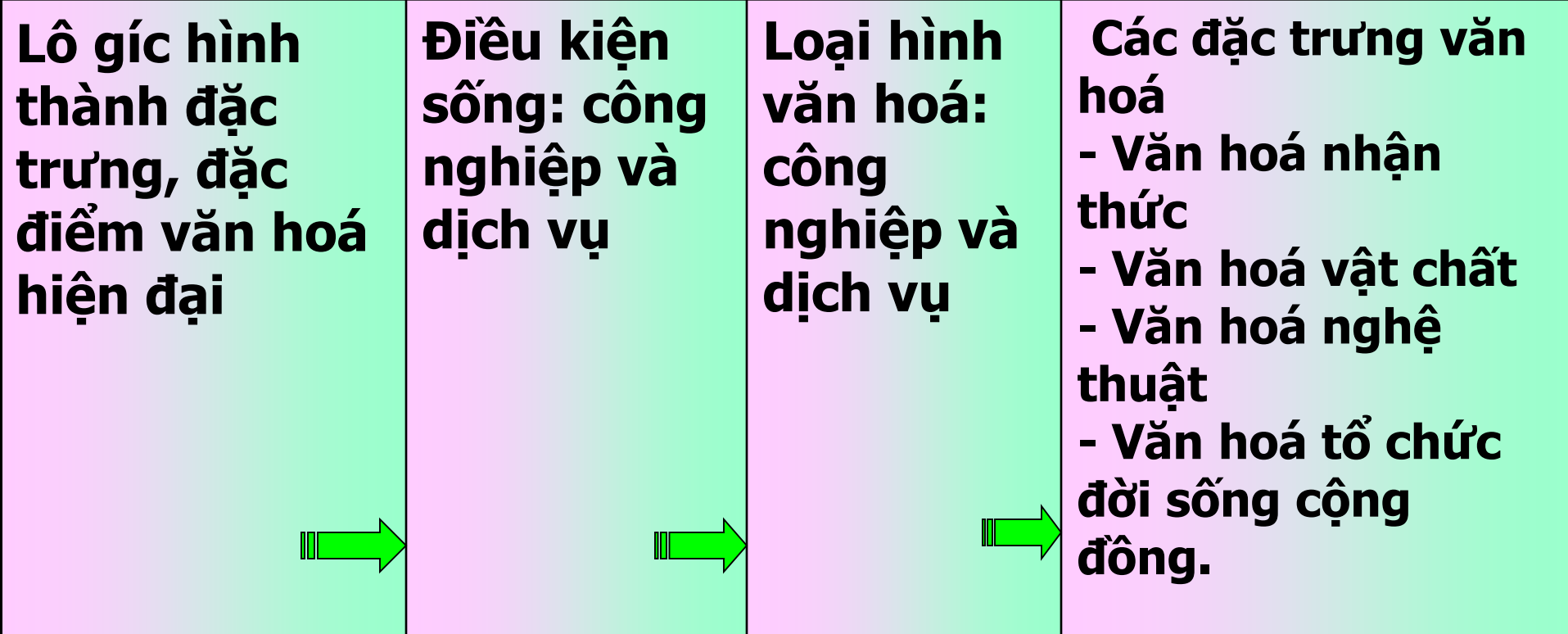
- 1. Những chuyển đổi trong đời sống vật chất và tinh thần dẫn đến sự chuyển đổi của các biểu trưng văn hoá**
- 2. Hướng tiến triển của văn hoá Việt Nam**
- 3. Hồ Chí Minh - biểu tượng của văn hoá tương lai**

Sự chuyển biến trong đời sống vật chất và đời sống tinh thần dẫn đến sự chuyển đổi các biểu tượng, biểu trưng văn hoá

Triết lí Âm Dương	Tin vào tín ngưỡng, tôn giáo	Nhà sàn, nhà lá	Kinh tế nông nghiệp (Con trâu, ...)	Trọng kinh nghiệm	Luật tục, luật lệ	Cơ chế quan liêu, bao cấp	Trọng tập thể, trọng tuổi già
↓	↓	↓	↓	↓	↓	↓	↓
Triết học duy vật biện chứng	Tin vào khoa học, kĩ thuật	Nhà xây, nhà lắp ghép	Kinh tế công nghiệp (Máy cày ...)	Chú trọng phân tích thực chứng	Luật pháp XHCN	Cơ chế dân chủ XHCN	Hài hoà cá nhân và tập thể...

Khái lược về văn hoá hiện đại

Lô gíc hình thành đặc trưng, đặc điểm văn hoá hiện đại



Hướng phát triển của văn hoá Việt Nam

- ❑ **Cách tân theo hướng mở rộng giao lưu, tiếp thu các yếu tố văn hoá tiến bộ trên toàn thế giới.**
- ❑ **Giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, sàng lọc những yếu tố văn hoá không còn phù hợp.**
- ❑ **Văn hoá tiên tiến đi tiên phong là văn hoá vừa hiện đại vừa đậm đà bản sắc dân tộc.**

Văn hoá Hồ Chí Minh

- * Nhận thức HCM về dân tộc, thế giới**
- * Lựa chọn HCM**
- * Ứng xử HCM với TN – XH**
- * Tầm nhìn văn hoá HCM**
 - dung hợp văn hoá Đông - Tây, Việt Nam - thế giới, truyền thống - hiện đại.**
 - kết hợp hài hoà cốt cách phương Đông với tư duy hiện đại cùng tác phong làm việc khẩn trương, tự giác, kỷ luật,**
 - kết hợp hài hòa giữa dân tộc và nhân loại.**
 - giữ vững sắc thái truyền thống giữa đời sống văn minh, hiện đại.**
 - Lý tưởng sống XHCN gần đạo học phương Đông**

▣ **Sẵn sàng tiếp các
bạn qua địa chỉ :
trlong60@gmail.com
0918 292053**



Tạm biệt các bạn !